

Bản án số: 786/2023/HS-PT

Ngày 29 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 19/2023/TLPT-HS ngày 09/01/2023 đối với bị cáo Ngô Quang T do bị cáo có kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số 74/2022/HSST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị cáo có kháng cáo: Ngô Quang T, sinh năm 1975 tại tỉnh Bình Thuận; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú: Ấp TH, xã CP, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn B và bà Hoàng Thị T; có vợ Lê Thị Khánh H; có 04 người con lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng vi phạm pháp luật; Bị bắt tạm giam từ ngày 06/8/2020; đến ngày 31/12/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Đình T, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn SGCL, thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Ngoài ra có 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần T Vũng Tàu thành lập vào năm 2017, gồm có ba cổ đông, Ngô Quang T chiếm 50% cổ phần là giám đốc công ty; Nguyễn Thê H - phó giám đốc, chiếm 45% cổ phần; Lê Thị Khánh H chiếm 5% cổ phần (vợ của Ngô Quang T).

Công ty TNHH xây dựng M do Võ Thị Thanh M (vợ của Nguyễn Thái L) làm giám đốc có địa chỉ tại số 321 ĐBP, Phường 15, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đồng thời Võ Thị Thanh M là giám đốc phụ trách tài chính của công ty A.

Từ năm 2017 đến năm 2018 theo sự phân công của Võ Thị Thanh M, Trang Chí L (là nhân viên tại công ty Alibba) đã ký 05 hợp đồng xây dựng với Công ty cổ phần T do Ngô Quang T đại diện để công ty thi công các công trình xây dựng các “dự án” của công ty A tại xã TT, thị xã PM. Gồm:

- Hợp đồng số 01/12/2017/HĐ-XD ngày 28/12/2017 thi công công trình: “Khu dân cư A TT” gồm các hạng mục: Hệ thống đường nội bộ, thoát nước mưa và cây xanh tại xã CP, thị xã PM. Tổng giá trị của hợp đồng là: 27.176.000.000 đồng.

- Hợp đồng số 01/06/2018/HĐ-XD ngày 12/6/2018 thi công công trình: “Khu dân cư A TT Center City” gồm các hạng mục: Đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát mặt nước, vỉa hè, cây xanh tại xã SX, thị xã PM. Tổng giá trị của hợp đồng là: 14.899.000.000 đồng.

- Hợp đồng số 01/09/2018/HĐ-XD ngày 17/9/2018 thi công công trình: “Khu dân cư A TT2 Resident” gồm các hạng mục: Đường giao thông nội bộ, vỉa hè tại xã TT, thị xã PM. Tổng giá trị của hợp đồng là: 2.448.991.000 đồng.

- Hợp đồng số 01/10/2018/HĐ-XD ngày 08/10/2018 thi công công trình: “Khu dân cư A TT Center City 5” gồm các hạng mục: Đường giao thông nội bộ, vỉa hè tại xã TT, thị xã PM. Tổng giá trị của hợp đồng là: 4.706.540.000 đồng.

- Hợp đồng số 04/12/2018/HĐ-XD ngày 30/12/2018 thi công công trình: “Khu dân cư A TT Center City 3” gồm các hạng mục: Đường giao thông nội bộ, bó vỉa tại phường Hắc Dịch, thị xã PM. Tổng giá trị của hợp đồng là: 2.157.652.000 đồng.

Tổng giá trị của 05 hợp đồng bằng tổng số tiền 51.388.183.000 đồng.

Đến cuối tháng 6 năm 2019 các cá nhân Võ Thị Thanh M, Võ Văn Trần Q, Trần Hữu S, Nguyễn Thái L2, Nguyễn Thái L3 đã chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của Ngô Quang T tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Thương Tín (Sacombank) với tổng số tiền 28.077.192.567 đồng. Ngô Quang T dùng số tiền này để trả tiền nhân công, vật tư thi công công trình, trả lương cho nhân viên Công ty và tiêu xài cá nhân nhưng không nộp tiền vào công ty và không xuất hóa đơn giá trị gia tăng, không kê khai số thuế phải nộp.

Trong khoảng từ Quý 1 năm 2017 đến Quý 1 năm 2020 Ngô Quang T chỉ đạo cho kế toán Công ty là Nguyễn Thị Uyên P kê khai doanh số hàng hóa, dịch vụ mua vào từ Quý 1 năm 2017 đến Quý 1 năm 2020 với số tiền 6.980.594.054 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng của hàng hóa dịch vụ mua vào); không phát sinh hàng hóa, dịch vụ bán ra.

Tại Bản kết luận giám định ngày 01/6/2020 và Văn bản số 11938/CT-TTKT3 ngày 30/12/2020 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã xác định: “Công ty cổ phần T Vũng Tàu chưa xuất hóa đơn, kê khai thuế giá trị gia tăng ...không hạch toán, ghi chép vào sổ sách kế toán của Công ty cổ phần T Vũng Tàu đối với số tiền...đã nhận từ công ty M thanh toán phần công việc thi công theo hợp đồng thi

công xây dựng. Như vậy Công ty cổ phần T Vũng Tàu đã có hành vi trốn thuế. Về thuế giá trị gia tăng: Số tiền thiệt hại về thuế là 1.861.538.152 đồng...”

Tại Bản Cáo trạng số: 23/CT-VKS-P1 ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu truy tố bị cáo Ngô Quang T về tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với Trang Chí L, Võ Thị Thanh M, Võ Văn Trần Q, Trần Hữu S, Nguyễn Thái L2, Nguyễn Thái L3 không biết việc Ngô Quang T nhận tiền thanh toán các giá trị công trình xây dựng nhưng không kê khai thuế để trốn thuế nên không có cơ sở để xử lý Trang Chí L, Võ Thị Thanh M, Võ Văn Trần Q, Trần Hữu S, Nguyễn Thái L2, Nguyễn Thái L3; Đối với Nguyễn Thế H, Lê Thị Khánh H, Nguyễn Thị Uyên P không biết việc Ngô Quang T đã nhận tiền do công ty M thanh toán giá trị các công trình theo hợp đồng đã ký với Công ty cổ phần T Vũng Tàu nên không có cơ sở để xử lý Nguyễn Thế H, Lê Thị Khánh H, Nguyễn Thị Uyên P.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2022/HS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Ngô Quang T về tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Áp dụng khoản 3 Điều 200, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Ngô Quang T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam từ 06/8/2020 đến ngày 31/12/2020.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 07/10/2022 bị cáo Ngô Quang T kháng cáo kêu oan cho rằng trong quá trình thi công công trình, theo đề nghị của Ngô Quang T, Công ty M đã đồng ý chi tạm ứng và chuyển vào tài khoản cá nhân của Ngô Quang T để Ngô Quang T trả tiền mua vật tư thi công công trình, trả lương công nhân. Đến ngày 13/9/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố vụ án tại Công ty cổ phần địa ốc A. Cơ quan chức năng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã yêu cầu Công ty M và Công ty cổ phần T Vũng Tàu ngừng thi công các công trình nên hai công ty chưa tiến hành nghiệm thu vì vậy công ty cổ phần T Vũng Tàu không có căn cứ để xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho công ty M. Do đó bị cáo không phạm tội trốn thuế.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Ngô Quang T giữ nguyên kháng cáo cho rằng trong quá trình thi công công trình, theo đề nghị của Ngô Quang T, công ty M đã đồng ý chi tạm ứng cho Ngô Quang T và chuyển vào tài khoản cá nhân của Ngô Quang T để Ngô Quang T trả tiền mua vật tư thi công công trình, trả lương công nhân. Đến ngày 13/9/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố vụ án tại Công ty cổ phần địa ốc A. Cơ quan chức năng tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã yêu cầu Công ty M và công ty T Vũng Tàu ngừng thi công các công trình nên hai công ty chưa tiến hành nghiệm thu vì vậy công ty T không có căn cứ để xuất hóa đơn GTGT cho công ty M. Nên bị cáo bị oan.

Đại diện Viện Kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Kháng cáo của bị cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ. Do đó đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Duy.

Luật sư Nguyễn Đình T bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thể hiện ở chứng cứ: Trong quá trình điều tra không xác minh thu thập tài liệu chứng cứ của bị cáo Ngô Quang T, ký kết hợp đồng như thế nào, bị cáo Ngô Quang T yêu cầu Công ty M tạm ứng chi phí 28 tỷ đồng như thế nào, Công ty M chuyển tiền thể hiện chứng cứ nào, thể hiện ở 5 người chuyển tiền Võ Thị Thanh M, Võ Văn Trần Q, Trần Hữu S, Nguyễn Thái L2, Nguyễn Thái L3 xác định tài khoản cá nhân chứ không phải là tài khoản của Công ty M. Có bao nhiêu tiền đã nhận nằm trong 5 hợp đồng mà bị cáo Ngô Quang T đã ký cần phải làm rõ thêm. Ông Nguyễn Hoàng N là người ký 4 giấy xác nhận nhưng trong quá trình điều tra chưa lấy lời khai của ông Nguyễn Hoàng N để xác định 05 hợp đồng xây dựng đã được quyết toán hay chưa. Về chứng thư thẩm định giá, cơ quan điều tra không thực hiện đúng quy định theo Bộ Luật tố tụng hình sự về giám định tư pháp và các Thông tư, Nghị định hướng dẫn trong việc giám định, nên dẫn đến kết quả giám định là sai. Về vật chứng cơ quan điều tra thu giữ xe ô tô, tài sản của ông Thanh thì không xác minh làm rõ có liên quan đến vụ án không. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Ngô Quang T làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Kết quả điều tra xác định Ngô Quang T có 21 lần nhận tiền từ các cá nhân 05 cá nhân Võ Thị Thanh M, Nguyễn Thái L3, Võ Văn Trần Q, Trần Hữu S, Nguyễn Thái L2. Trong đó: Võ Thị Thanh M chuyển tiền 11 lần = 12.280.840.000 đồng, có 05 lần chuyển tiền với nội dung chi tiền tạm ứng hợp đồng, 05 lần chuyển tiền với nội dung thanh toán tiền xây dựng; làm hạ tầng; tiền mua vật tư và phiếu chuyển tiền ngày 28/6/2019 chuyển 500.000.000 đồng nội dung A tạm ứng hợp đồng ngày 09/6/2019 không thuộc 05 hợp đồng xây dựng nêu trên; Nguyễn Thái L3 chuyển tiền 5 lần = 7.163.680.871 đồng, nhưng không xác định nội dung chuyển tiền để thanh toán cho hợp đồng xây dựng nào; Võ Văn Trần Q chuyển 1 lần = 2.000.000.000 đồng, không ghi nội dung chuyển tiền. Trần Hữu S chuyển tiền 2 lần = 2.133.671.696, nội dung chuyển tiền cơ sở hạ tầng; Nguyễn Thái L2 chuyển tiền 2 lần = 4.499.000.000 đồng, trong đó 01 lần nộp tiền mặt không ghi nội dung chuyển tiền và một lần chuyển tiền với nội dung ứng tiền làm cơ sở hạ tầng. Với tổng số tiền 28.077.192.567 đồng Ngô Quang T đã nhận qua tài khoản cá nhân.

Cấp sơ thẩm xác định Ngô Quang T có 21 lần nhận tiền của Công ty M thanh toán phần việc thi công công trình của công trình của 5 hợp đồng xây dựng nhưng không xuất hóa đơn, kê khai thuế giá trị gia tăng, không hạch toán, ghi chép vào sổ sách kế toán của Công ty cổ phần T Vũng Tàu đối với số tiền đã nhận từ công ty M thanh toán phần công việc thi công theo hợp đồng thi công xây dựng. Số tiền thiệt hại về thuế là 1.861.538.152 đồng...”.

Bị cáo Ngô Quang T kháng cáo kêu oan cho rằng Công ty M chỉ tạm ứng tiền theo đề nghị của Ngô Quang T để Thanh trả tiền nhân công, mua vật tư thi công công trình và các hợp đồng chưa quyết toán nên Ngô Quang T chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng hơn nữa trong 21 lần nhận tiền có khoản tiền không liên quan đến 5 hợp đồng xây dựng nêu trên.

[3] Những vấn đề chưa được làm rõ:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Ngô Quang T kêu oan cho rằng Ngô Quang T nhận tiền qua tài khoản do Ngô Quang T xin tạm ứng để mua vật tư và cũng có khoản tiền do Công ty M thanh toán tiền lắp ghép mái che, xây nhà tắm, xây nhà làm việc không có trong danh mục xây dựng của 05 hợp đồng xây dựng.

Trong hồ sơ vụ án thể hiện bản sao kê của ngân hàng xác định có 21 lần do cá nhân Võ Thị Thanh M, Nguyễn Thái L2, Võ Văn Trần Q, Nguyễn Thái L3, Trần Hữu S chuyển tiền vào tài khoản của Ngô Quang T, nhưng không xác định nội dung chuyển tiền là do Công ty M chuyển tiền để thanh toán phần việc thi công công trình của 05 hợp đồng gồm: Hợp đồng số 01/12/2017/HĐ-XD ngày 28/12/2017; Hợp đồng số 01/06/2018/HĐ-XD ngày 12/6/2018; Hợp đồng số 01/09/2018/HĐ-XD ngày 17/9/2018; Hợp đồng số 01/10/2018/HĐ-XD ngày 08/10/2018; Hợp đồng số 04/12/2018/HĐ-XD ngày 30/12/2018 đã ký kết.

[3.2] Nội dung của 05 Hợp đồng thi công xây dựng số 01/12/HĐTC TT ngày 28/12/2017; Hợp đồng số 01/06/2018/HĐ-XD ngày 12/6/2018; Hợp đồng số 01/09/2018/HĐ-XD ngày 17/9/2018; Hợp đồng số 01/10/2018/HĐ-XD ngày 08/10/2018 và Hợp đồng số 04/12/2018/HĐ-XD ngày 30/12/2018 đều thể hiện việc thanh toán hợp đồng được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu theo từng đợt; Hồ sơ thanh toán gồm biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu; bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có); Bản đề nghị thanh toán của bên nhận thầu; hình thức thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Đối với hồ sơ quyết toán đối với hợp đồng xây dựng số 01/12/2017/HĐ-XD ngày 28/12/2017 có thể hiện: Bản đề nghị duyệt thanh toán và bảng quyết toán giá trị khối lượng công việc hoàn thành tổng giá trị của hợp đồng + phát sinh là: 29.919.039.000 đồng, đã tạm ứng, thanh toán 21.717.600.000 đồng (lần 1: 2.717.600.000 đồng; lần 2: 2.000.000.000 đồng; lần 3: 2.000.000.000 đồng; lần 4: 3.000.000.000 đồng; lần 5: 1.000.000.000 đồng; lần 6: 3.000.000.000 đồng; lần 7: 2.000.000.000 đồng; lần 8: 2.000.000.000 đồng; lần 9: 3.000.000.000 đồng; lần 10: 1.000.000.000 đồng; đề nghị thanh toán 3.068.016.000 đồng; nhưng không có xác nhận của bên giao Thầu (Bút lục 787-792). Đồng thời, tại hồ sơ quyết toán hợp đồng xây dựng số 01/12/HĐTC TT ngày 28/12/2017 thể hiện Công ty cổ phần T Vũng Tàu có 10 lần nhận tạm ứng với số tiền: 21.717.600.000 đồng nhưng không có thể

hiện ngày tạm ứng tiền. Nên chưa có cơ sở xác định 10 lần tạm ứng theo hồ sơ quyết toán có phải do cá nhân Võ Thị Thanh M, Nguyễn Thái L2, Võ Văn Trần Q, Nguyễn Thái L3, Trần Hữu S chuyển vào tài khoản của Ngô Quang T hay không và hợp đồng này đã được Công ty M xác nhận khối lượng công việc hoàn thành hay chưa mới có căn cứ xác định Thanh không thực hiện đúng quy định về việc kê khai thuế và xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định.

Đối với hồ sơ quyết toán của 04 hợp đồng xây dựng còn lại có biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành của ông Nguyễn Hoàng N ký xác nhận và có thể hiện Công ty cổ phần T Vũng Tàu có nhận tạm ứng tiền 10 lần có ghi ngày, tháng, năm tạm ứng tiền. Tuy nhiên, đối chiếu với các lần chuyển tiền do các cá nhân Võ Thị Thanh M, Nguyễn Thái L2, Võ Văn Trần Q, Nguyễn Thái L3, Trần Hữu S chuyển vào tài khoản của Ngô Quang T thì thấy rằng:

Hồ sơ quyết toán hợp đồng số 01/06/2018/HĐ-XD ngày 12/6/2018 có tổng giá trị của hợp đồng + phát sinh là: 10.454.400.000 đồng, đã tạm ứng số tiền 8.234.850.000 đồng (lần 1: 2.234.850.000 đồng ngày 21/6/2019; lần 2: 2.000.000.000 đồng ngày 24/8/2019; lần 3: 2.000.000.000 đồng ngày 18/9/2019; lần 4: 2.000.000.000 đồng ngày 17/6/2019) giá trị còn lại đề nghị thanh toán : 2.219.550.000 đồng. Có xác nhận của đại diện bên giao thầu (Bút lục 834-842). Tuy nhiên trong hồ sơ quyết toán của Hợp đồng số 01/06/2018/HĐ-XD ngày 12/6/2018 có 04 lần ứng tiền nhưng chỉ có một lần ngày 17/6/2019: tạm ứng 2.000.000.000 đồng trùng khớp ngày 17/6/2019 do Nguyễn Thái L3 chuyển vào tài khoản của Thanh 2.000.000.000 đồng, còn lại 03 lần ứng tiền không có trong sách chuyển tiền vào tài khoản của Ngô Quang T gồm: Ngày 21/6/2019 ứng tiền 2.234.850.000 đồng; ngày 24/8/2019 ứng tiền 2.000.000.000 đồng; Ngày 18/9/2019 ứng tiền 2.000.000.000 đồng.

Hồ sơ quyết toán hợp đồng số 04/12/2018/HĐ-XD ngày 30/12/2018, tổng giá trị của hợp đồng là: 2.373.800.000 đồng, đã tạm ứng số tiền 2.000.000.000 đồng) lần 1: 01 tỷ đồng ngày 07/3/2019; lần 2: 1.000.000.000 đồng ngày 03/5/2019); giá trị còn lại đề nghị thanh toán: 373.800.000 đồng. Có xác nhận của đại diện bên giao thầu (Bút 880-884). Trong hồ sơ quyết toán của Hợp đồng số 04/12/2018/HĐ-XD ngày 30/12/2018 có 2 lần ứng tiền vào ngày 07/3/2019 ứng tiền 1.000.000.000 đồng và ngày 03/5/2019 ứng tiền 1.000.000.000 đồng. Có trùng khớp về ngày chuyển tiền vào tài khoản của Ngô Quang T nhưng không đúng số tiền chuyển vào tài khoản của Ngô Quang T cụ thể: Ngày 07/3/2019 Trần Hữu S chuyển 1.334.471.696 đồng; ngày 03/5/2019 Võ Thị Thanh M chuyển 1.015.472.000 đồng.

Hồ sơ quyết toán hợp đồng số 01/10/2018/HĐ-XD ngày 08/10/2018. Tổng giá trị của hợp đồng + phát sinh là: 5.964.200.000 đồng, đã tạm ứng số tiền 4.582.000.000 đồng (lần 1: 1.582.000.000 đồng ngày 24/10/2018; lần 2: 1.500.000.000 đồng ngày 19/03/2019; lần 3: 1.500.000.000 đồng ngày 10/5/2019); giá trị còn lại đề nghị thanh toán: 1.382.200.000 đồng. Có xác nhận của đại diện bên giao thầu (Bút 887-892). Trong hồ sơ quyết toán của Hợp đồng số 01/10/2018/HĐ-XD ngày 08/10/2018 có thể hiện 03 lần tạm ứng tiền nhưng ngày 24/10/2018 tạm ứng 1.582.000.000 đồng (không có trong danh sách chuyển vào tài khoản của Ngô Quang T); ngày 19/03/2019 tạm ứng 1.500.000.000 đồng (nhưng theo sao kê của ngân hàng thì Võ Thị Thanh M chuyển tiền 2.230.554.000 đồng vào tài khoản của Ngô Quang T); Ngày 10/5/2019

tạm ứng tiền 1.500.000.000 đồng (phù hợp với sao kê của ngân hàng do Võ Thị Thanh M chuyển tiền 1.500.000.000 đồng vào tài khoản của Ngô Quang T).

Hồ sơ quyết toán hợp đồng số 01/09/2018/HĐ-XD ngày 17/9/2018, tổng giá trị hợp đồng 1.975.127.000 đồng, đã tạm ứng số tiền 1.284.000.000 đồng lần 1 vào ngày 05/10/2019 (sửa lại 2018). Giá trị còn lại đề nghị thanh toán 691.127.000 đồng. Có xác nhận của đại diện bên giao thầu (Bút 849-854). Trong hồ sơ quyết toán của Hợp đồng số 01/09/2018/HĐ-XD ngày 17/9/2018 thể hiện có 01 lần ứng tiền vào ngày 05/10/2018 tạm ứng 1.284.000.000 đồng nhưng không có trong đánh sách chuyển vào tài khoản của Thanh.

Như vậy theo cấp sơ thẩm xác định Ngô Quang T có 21 lần nhận tiền của Công ty M thanh toán phần việc thi công công trình của 5 hợp đồng xây dựng đã ký kết. Nhưng qua đối chiếu 05 hồ sơ quyết toán của Công ty cổ phần T Vũng Tàu thì Ngô Quang T chỉ có nhận 20 lần tiền tạm ứng, trong đó có 10 lần tạm ứng không ghi ngày tháng năm (Hợp đồng số 01/12/2017/HĐ-XD ngày 28/12/2017). Còn lại 10 lần tạm ứng tiền thì chỉ có 02 lần tạm ứng tiền trong hồ sơ quyết toán hợp đồng trùng khớp về ngày và số tiền được chuyển vào tài khoản của Ngô Quang T; 03 lần tạm ứng tiền trong hồ sơ quyết toán trùng về ngày nhưng không trùng khớp số tiền được chuyển vào tài khoản của Ngô Quang T và 05 lần tạm ứng tiền trong hồ sơ quyết toán không có trong đánh sách chuyển vào tài khoản của Ngô Quang T.

Do đó cần điều tra làm rõ các khoản tiền được chuyển vào tài khoản của Ngô Quang T có phải là khoản tiền do Ngô Quang T đã được tạm ứng và được đưa vào hồ sơ quyết toán để thanh toán phần việc thi công theo hạng mục công trình của 5 hợp đồng xây dựng đã ký kết giữa công ty cổ phần T Vũng Tàu và Công ty M hay không? mới có cơ sở xác định Ngô Quang T nhận tiền từ công ty M thanh toán phần công việc thi công theo 05 hợp đồng xây dựng đã ký kết nhưng không xuất hóa đơn và kê khai thuế giá trị gia tăng gây thiệt hại về tiền thuế.

[3.3] Về việc giám định thiệt hại: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có Quyết định trưng cầu giám định để xác định thiệt hại về thuế do hành vi không thực hiện kê khai thuế của Ngô Quang T và Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có Quyết định thành lập Tổ giám định tư pháp về thuế là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản kết luận giám định ngày 01/6/2020 của Tổ Giám định - Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã xác định “*Công ty cổ phần T Vũng Tàu chưa xuất hóa đơn, kê khai thuế giá trị gia tăng đối với số tiền 27.312.720.871 đồng; không hạch toán, ghi chép vào sổ sách kế toán của Công ty cổ phần T Vũng Tàu đối với số tiền 27.312.720.871 đồng đã nhận từ công ty M thanh toán phần công việc thi công theo hợp đồng thi công xây dựng. Như vậy Công ty cổ phần T Vũng Tàu đã có hành vi trốn thuế. Số tiền thiệt hại về thuế là 1.867.188.451 đồng...*”

Tuy nhiên, qua quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định lại số tiền do Ngô Quang T đã nhận tiền để thi công trình có sự thay đổi, phát sinh tăng thành số tiền 28.077.192.567 đồng. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có Văn bản số 3933/CSKT ngày 17/12/2020 yêu cầu Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định lại Ngô Quang T giám đốc Công ty cổ phần T Vũng Tàu không thực hiện kê khai thuế số tiền 28.077.192.567 đồng, gây thiệt hại về thuế bao nhiêu?

Theo khoản 1 Điều 29 Luật Giám định tư pháp quy định: “Việc giám định bổ sung được thực hiện trong trường hợp nội dung kết luận giám định chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc khi phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ án, vụ việc đã được kết luận giám định trước đó. Việc trưng cầu, yêu cầu giám định bổ sung được thực hiện như giám định lần đầu”. Do có sự thay đổi phát sinh tăng số tiền do Ngô Quang T đã nhận, liên quan đến việc xác định thiệt hại về thuế nên phải thực hiện giám định bổ sung. Tuy nhiên, ngày 30/12//2020 Cục thuế tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu có Văn bản số 11938/CT-TTKT3 xác định giá trị thiệt hại về thuế là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Giám định tư pháp.

[4] Do cấp sơ thẩm chưa điều tra đầy đủ để làm rõ số tiền do Ngô Quang T đã nhận từ Công ty M thanh toán phần việc thi công theo hợp đồng xây dựng mà không kê khai thuế. Đồng thời chưa thực hiện việc giám định bổ sung để phân thiệt hại về thuế theo đúng quy định của pháp luật. Nên hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu điều tra, xét xử lại theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo và ý kiến đề nghị của luật sư là có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với nhận định trên.

[5] Do Bản án sơ thẩm bị hủy, nên bị cáo Ngô Quang T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Ngô Quang T.

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số: 74/2022/HS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu điều tra lại.

2. Bị cáo Ngô Quang T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**